

Hồng, Khu bốn cũ, duyên hải miền Trung, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

Tóm lại, tiếp cận xã hội học về cơ cấu xã hội là tiếp cận đa chiều, nhiều khía cạnh, nhiều cấp độ.

Năm phân hệ cơ cấu xã hội nói trên chỉ là những phân hệ cơ bản nhất của cơ cấu xã hội nói chung. Nếu phân tích sâu hơn, chúng ta còn có thể chỉ ra những lát cắt phân tích đa dạng hơn về cơ cấu xã hội. Ví dụ, cơ cấu xã hội - tôn giáo, cơ cấu xã hội trong lực lượng vũ trang (quân đội, an ninh, cảnh sát)... Điều quan trọng là khi phân tích các phân hệ của cơ cấu xã hội ta luôn xem xét mối tương tác của chúng với nhau và với chính thể xã hội nói chung và nhóm xã hội, con người nói riêng.

Chương IV

Phân tầng xã hội

1. Khái niệm phân tầng xã hội

Phân tầng xã hội là một trong những khái niệm cơ bản của xã hội học. Tuy nhiên, ở nước ta khái niệm này mới chỉ được đề cập và nghiên cứu trong thời gian cách đây không lâu.

Để hiểu được khái niệm phân tầng, cần thiết phải nghiên cứu khái niệm tầng xã hội.

a. Tầng xã hội (Stratum of society)

Tầng xã hội là tổng thể, tập hợp các cá nhân có cùng một hoàn cảnh xã hội, họ giống nhau hay bằng nhau về địa vị kinh tế (tài sản), địa vị chính trị (quyền lực), địa vị xã hội (uy tín), về khả năng thăng tiến cũng như giành được những ân huệ hay vị trí trong xã hội.

b. Phân tầng xã hội (Social stratification)

Có nhiều định nghĩa và quan niệm khác nhau về phân tầng:

Quan niệm của M. Weber

M. Weber (nhà xã hội học người Đức) là người đầu tiên nói tới khái niệm phân tầng. Ông đã đưa ra nguyên tắc tiếp cận ba chiều đối với vấn đề phân tầng, coi khái niệm phân tầng xã hội bao hàm cả việc phân chia xã hội thành các giai cấp. Ba chiều hay ba khía cạnh là địa vị kinh tế (tài sản), địa vị chính trị (quyền lực), địa vị xã hội (uy tín), cấu thành các tầng lớp xã hội. Theo M. Weber, tài sản, quyền lực và uy tín có thể độc lập với nhau song trong thực tế chúng có quan hệ chặt chẽ với nhau. Chúng có thể chuyển hóa cho nhau, củng cố hoặc chi phối lẫn nhau. Người có tài sản có thể dễ dàng sử dụng để đạt được quyền lực, uy tín; ngược lại, người có quyền lực, uy tín lại có thể sử dụng để nhận được những bổng lộc và quyền lợi kinh tế do xã hội mang lại.

Quan niệm của P. A. Sorokhin

P. A. Sorokhin (nhà xã hội học người Mỹ gốc Nga) coi phân tầng xã hội là sự phân hóa của tổng thể các cá nhân thành những giai cấp trong thang bậc của đẳng cấp. Phân tầng xã hội thể hiện rõ nhất trong sự tồn tại của tầng lớp cao nhất và tầng lớp thấp nhất.

Quan niệm của Tony Bilton

Tony Bilton (nhà xã hội học người Mỹ) cho rằng, xã hội được chia thành một cấu trúc theo khuôn mẫu của những nhóm xã hội không bình đẳng và lưu truyền bền vững từ thế hệ này sang thế hệ khác. "Phân tầng xã hội là

một cơ cấu bất bình đẳng ổn định giữa các nhóm xã hội và được duy trì bền vững qua các thế hệ"⁽¹⁾.

Tony Bilton cũng đồng thời chỉ ra những điều kiện dẫn đến sự phân phối lợi ích không đồng đều giữa các thành viên và các nhóm xã hội:

Một là, những cơ hội trong cuộc sống bao gồm những thuận lợi vật chất, của cải và thu nhập, những lợi ích trong chăm sóc sức khỏe và an toàn công việc.

Hai là, địa vị xã hội tức là uy tín hay vị trí do quan niệm và sự đánh giá của các thành viên khác trong xã hội.

Ba là, ảnh hưởng chính trị, tức là khả năng của một nhóm xã hội này thống trị những nhóm xã hội khác, hay việc ra quyết định, cũng như việc thu được nguồn lợi từ các quyết định.

Quan niệm của T. Parsons

T. Parsons (nhà xã hội học người Mỹ) coi phân tầng xã hội là sự sắp xếp các cá nhân vào trong một hệ thống xã hội trên cơ sở sự phân chia những ngạch bậc và những tiêu chuẩn chung về giá trị, phân tầng là kết quả trực tiếp của sự phân công lao động xã hội và sự phân hóa của những nhóm xã hội khác nhau. Nó là kết quả tác động của một hệ thống các giá trị trong xã hội, những tiêu chuẩn văn hóa xã hội phổ biến đang thống trị trong xã hội, những giá trị và những tiêu chuẩn này xác định ý

⁽¹⁾ *Nhập môn xã hội học*, Nxb. Khoa học xã hội, H. 1993, tr. 49-50.

nghĩa của những hoạt động khác nhau, hình thành nên sự bất bình đẳng xã hội, mà sự bất bình đẳng này được thể hiện trong các dạng thức hoạt động và phân phối vật chất, tài sản. Cũng giống như các nhà chức năng luận khác, T. Parsons coi phân tầng xã hội là phương tiện cần thiết cho mọi hoạt động xã hội và là vật kích thích những cách thức hoạt động khác nhau của các cá nhân và những nhóm xã hội khác nhau. T. Parsons đã đưa ra ba tiêu chuẩn tổng hợp để nhận diện phân tầng xã hội:

Một là, tư cách, phẩm chất tức là ấn định cho những cá nhân những đặc tính và những địa vị nhất định. Ví dụ, tinh thần trách nhiệm, uy tín, sự thành thạo trong công việc.

Hai là, sự chấp hành (sự thực hiện nhiệm vụ) nghĩa là sự đánh giá các hoạt động của các cá nhân trong quan hệ so sánh với những hoạt động của những người khác.

Ba là, sự chiếm hữu các giá trị vật chất, tài năng, trình độ nghề nghiệp, tiềm năng văn hóa. T. Parsons cho rằng, cần thiết phải đánh giá một cách tổng hợp ba tiêu chuẩn chung về giá trị và chuẩn mực của xã hội.

Quan niệm của N. Smelser

N. Smelser (nhà xã hội học người Mỹ) cho rằng phân tầng xã hội gắn với những biện pháp mà nhờ nó, sự bất bình đẳng được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, trong đó hình thành nên những tầng lớp khác nhau trong xã hội.

Quan niệm của I. Robertsons

I. Robertsons (nhà xã hội học người Mỹ) coi phân tầng xã hội là sự bất bình đẳng mang tính cơ cấu của tất cả các xã hội loài người, là sự khác nhau về khả năng thăng tiến xã hội bởi địa vị của họ trong bậc thang xã hội.

Quan niệm của Trung tâm Xã hội học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Trên cơ sở tập hợp phân tích, tuyển lựa và tiếp thu một cách có phê phán những quan niệm nói trên, Trung tâm xã hội học đưa ra quan niệm về phân tầng xã hội như sau:

Phân tầng xã hội là sự bất bình đẳng mang tính cơ cấu của mọi xã hội loài người, trừ những tổ chức xã hội sơ khai (thời kỳ đầu của xã hội công xã nguyên thủy). Phân tầng xã hội là sự phân chia, sự sắp xếp và hình thành cấu trúc gồm các tầng xã hội (bao gồm cả sự phân loại, xếp hạng). Đó là sự khác nhau về địa vị kinh tế hay tài sản, về địa vị chính trị hay quyền lực, địa vị xã hội hay uy tín cũng như khác nhau về trình độ học vấn, loại nghề nghiệp, phong cách sinh hoạt, cách ăn mặc, kiểu nhà ở, nơi cư trú, thị hiếu nghệ thuật, trình độ tiêu dùng v.v..

Với quan niệm nói trên, chúng ta có thể hiểu phân tầng xã hội theo ba đặc trưng sau:

Thứ nhất, phân tầng xã hội là sự phân hóa, sự sắp xếp các cá nhân thành những tầng lớp, thang bậc khác nhau trong cơ cấu xã hội (trong hệ thống phân chia thành những tầng lớp cao và những tầng lớp thấp...).

Thứ hai, phân tầng xã hội luôn gắn với bất bình đẳng xã hội (Social inequality) và sự phân công lao động xã hội.

Thứ ba, phân tầng thường được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác, song không phải là bất biến mà có thể có những sự thay đổi nhất định (sự di chuyển từ tầng lớp này sang tầng lớp khác trong cơ cấu xã hội hoặc trong nội bộ từng tầng lớp riêng biệt).

2. Phân biệt khái niệm phân tầng xã hội với một số khái niệm khác

a. Phân biệt phân tầng xã hội với phân chia giai cấp

Trong quan niệm về giai cấp, dấu hiệu quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất được coi là đặc trưng chủ yếu, hàng đầu để phân biệt hay phân chia xã hội ra thành những giai cấp này hay giai cấp khác... Theo đó mà những đặc trưng khác (như vai trò tổ chức quản lý, phân phối sản phẩm, quyền thống trị hay bị trị, sự chiếm đoạt hay bị chiếm đoạt tài sản...) cũng được hình thành. Tiếp cận xã hội học về phân tầng xã hội không chỉ chú ý đến quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất mà còn xem xét đến địa vị kinh tế - tức là xem xét một cách rộng rãi hơn, nhiều chiều hơn, mềm mại, uyển chuyển hơn. Ngoài ra, tiếp cận xã hội học còn tính tới những yếu tố thực tế khác như thu nhập, tài sản, mức độ tiêu dùng cũng như các yếu tố quyền lực chính trị, uy tín xã hội...

Trên cơ sở đó, chúng ta có thể chỉ ra được sự khác nhau về hoàn cảnh xã hội (địa vị kinh tế, quyền lực chính trị, uy tín xã hội) ở ngay trong từng giai cấp, tầng lớp cũng như tìm thấy điểm chung về mặt hoàn cảnh xã hội của các thành viên trong các giai cấp, tầng lớp khác nhau, từ đó sắp xếp họ vào những tầng xã hội khác nhau. Ví dụ, người ta khó có thể sắp xếp người lái máy kéo bên cạnh ông hiệu trưởng trường phổ thông. Ở đây, người lái máy kéo có thể có tài sản lớn hơn ông hiệu trưởng, song ông hiệu trưởng lại có quyền lực và uy tín cao hơn so với người lái máy kéo. Tương tự như vậy, chúng ta cũng có thể chỉ ra sự khác nhau về mặt tài sản và uy tín giữa người công nhân, thợ hàn bậc cao với người công nhân, thợ hàn mới vào nghề...

b. Phân biệt phân tầng xã hội với phân hóa xã hội

Phân tầng xã hội là sự hiện diện đầy đủ cả mặt "tĩnh" và mặt "động" của sự bất bình đẳng xã hội. Phân hóa là trạng thái động - tức là quá trình mà một xã hội nào đó từ trạng thái tương đối thuần nhất ban đầu, chuyển dần sang thành những nhóm khác nhau, trái ngược nhau về lợi ích, mức sống và các định hướng về giá trị.

c. Phân biệt phân tầng xã hội với phân cực xã hội

Phân tầng là trạng thái biểu hiện của bất bình đẳng xã hội, phân cực xã hội được hiểu như kết quả của sự phân hóa xã hội. Phân cực xã hội là sản phẩm của sự

phân hóa mà kết quả là một xã hội nào đó sẽ được phân chia thành hai nhóm nằm ở hai cực của một trạng thái xung đột và mâu thuẫn xã hội. Trong hoàn cảnh này, những cá nhân và các nhóm xã hội phải lựa chọn chỗ đứng hoặc bị sắp xếp vào cực này hay cực kia của xã hội.

Như vậy, phân chia giai cấp xã hội, phân cực xã hội, phân hóa xã hội và phân tầng xã hội có liên quan với nhau, gắn gũi với nhau song không đồng nhất với nhau.

3. Các hệ thống phân tầng xã hội trong lịch sử

Phân tầng là một hiện tượng xã hội xuất hiện từ rất sớm và được thể hiện rất đa dạng ở các quốc gia khác nhau, các giai đoạn lịch sử khác nhau và những nền văn hóa khác nhau. Dựa vào tính cơ động của xã hội và kiểu xã hội, chúng ta có thể chỉ ra hai hệ thống phân tầng điển hình nhất: Hệ thống phân tầng “đóng” - phân tầng trong xã hội đẳng cấp và hệ thống phân tầng “mở” - phân tầng trong xã hội có giai cấp.

a. Hệ thống phân tầng “đóng”

Trong hệ thống phân tầng này, ranh giới giữa các tầng xã hội hết sức rõ rệt và được duy trì một cách nghiêm ngặt, địa vị của mỗi người bị “án định” ngay từ đầu, bị quy định ngay lúc mới sinh bởi nguồn gốc, dòng dõi của cha mẹ mình. Một người nào đó sinh ra từ đẳng cấp nào, thì mãi mãi sẽ ở lại trong đẳng cấp ấy, khó có

cách nào có thể thay đổi được thân phận của mình. Hiện tượng này đã từng thấy trong câu ca dao: “Con vua thì lại làm vua, con sãi ở chùa đi quét lá đa”.

Trong xã hội đẳng cấp, duy trì “nội giao” và cấm những thành viên thuộc các đẳng cấp khác nhau kết hôn với nhau. Sự cấm đoán này là hết sức nghiêm khắc. Trong hệ thống phân tầng “đóng”, trừ một số bước tiến ngắn trong nội bộ các đẳng cấp (ví dụ như quý tộc, tầng lớp) còn tuyệt đại số người còn lại sinh ra từ đẳng cấp nào thì cứ suốt đời ở trong đẳng cấp của mình. Địa vị đẳng cấp dường như được coi như là địa vị “tự nhiên” tức là địa vị được “gán” cho con người mà không ai có thể lựa chọn hoặc tự kiểm soát được. Trong lịch sử đã từng tồn tại một thời kỳ lâu dài chế độ đẳng cấp. Hệ thống phân tầng theo đẳng cấp điển hình nhất trước đây là Ấn Độ và Nam Phi. Cho tới nay, vết tích của hệ thống này còn có thể tìm thấy ở một số vùng biệt lập tại Bắc Phi, Trung Đông, châu Á. Theo báo cáo của Liên hợp quốc năm 1981, ít nhất còn khoảng một triệu người đang sống trong chế độ nô lệ ở đó thể hiện rõ sự phân tầng đẳng cấp.

b. Hệ thống phân tầng “mở”

Đặc trưng chủ yếu của hệ thống phân tầng “mở” là địa vị của con người chủ yếu phụ thuộc vào địa vị của họ trong hệ thống kinh tế. Trong hệ thống phân tầng này, ranh giới giữa các tầng không quá cứng nhắc và cách biệt

như trong xã hội đẳng cấp mà mềm dẻo, uyển chuyển hơn. Một người nào đó từ một tầng lớp thấp có thể chuyển lên đứng vào vị trí của một tầng xã hội cao hơn. Địa vị của cá nhân thường phụ thuộc trực tiếp vào nghề nghiệp và thu nhập của họ.

Trong một chừng mực nhất định, vị thế xã hội mà người ta đạt được là do nỗ lực chủ quan (khả năng, ý chí, cơ may) chứ không phải là vị thế tự nhiên trong xã hội đẳng cấp. Trong xã hội có giai cấp, pháp luật đã chính thức hủy bỏ sự cấm kỵ hôn nhân giữa các tầng lớp. Nam nữ thanh niên có thể tự do lựa chọn “ý chung nhân” cho mình. Đặc trưng của các xã hội hiện đại là hệ thống phân tầng “mở”, tức là hệ thống phân tầng trong xã hội có giai cấp, mặc dù chúng có sự khác biệt từ xã hội này sang xã hội khác. Trong các xã hội nông nghiệp thường có hai giai cấp chủ yếu: các chủ đất (những người giàu có - chiếm số ít) và nông dân (những người nghèo - chiếm số nhiều). Trong các xã hội công nghiệp sự phân chia giai cấp có sự khác biệt và phức tạp hơn, ngoài sự phân chia giai cấp còn phân chia thành các tầng lớp xã hội khác nhau. Theo I. Robertsons, xã hội phương Tây hiện nay có thể được phân ra làm sáu tầng lớp mà theo cách gọi của ông là sáu giai cấp:

- Giai cấp thượng lưu lớp trên - tầng lớp quý tộc theo dòng dõi, là những nhà tư bản lớn, những tỉ phú nhiều đời, có quyền lực và uy tín lớn trong xã hội.

- Giai cấp thượng lưu lớp dưới - những người có tiền, là những người buôn bán động sản, các ông trùm hàng thức ăn nhanh, hãng máy tính, hãng ô tô và những người mới giàu khác.

- Giai cấp trung lưu lớp trên, bao gồm chủ yếu những gia đình thương gia và các nhà doanh nghiệp. Nhóm này gồm một số ít người da trắng, theo đạo Tin Lành.

- Giai cấp trung lưu lớp dưới, bao gồm những người có thu nhập trung bình và công việc của họ không phải là lao động chân tay. Đó là những thương nhân cỡ nhỏ, những đại lý buôn bán, y tá, kỹ thuật viên và các nhà quản lý cỡ trung bình.

- Giai cấp lao động, bao gồm một số đông những người da màu, được đào tạo ít hơn so với giai cấp trung lưu và thượng lưu. Đó chủ yếu là những công nhân “cổ cồn xanh” - những người bán hàng, nhân viên phục vụ, công nhân bán chuyên nghiệp các loại. Đặc trưng của họ là lao động chân tay, hầu như không có uy tín và thường thiếu những khoản phúc lợi như trợ cấp hưu trí, bảo hiểm sức khỏe, trợ cấp ốm đau, tiền nghỉ phép và bảo hiểm công việc.

- Giai cấp hạ lưu, bao gồm những người nghèo “không đáng kính trọng”. Họ sống trong những ngôi nhà tồi tàn ở ngoại ô hay những vùng nông thôn nghèo khổ. Giai cấp này bao gồm những người thất nghiệp kinh niên, vô gia cư, vô nghề nghiệp, những người nghèo khổ sống nhờ vào trợ cấp xã hội. Họ là những người bị xã hội khinh

rẻ và mất “giá” trên thị trường lao động, những người này thực sự không có quyền lực và uy tín gì trong xã hội.

Một số nhà xã hội học khác lại phân chia và phân biệt xã hội tư bản ra thành bảy tầng lớp xã hội như sau:

- Những nhà chuyên môn và những nhà quản lý cao cấp,
- Những chuyên gia kỹ thuật bậc trung,
- Tầng lớp thương gia,
- Tầng lớp tiểu tư sản,
- Những nhân viên kỹ thuật và những công nhân làm công tác quản lý như đốc công,
- Những người lao động có kỹ thuật được đào tạo,
- Những người lao động đơn thuần, không có chuyên môn.

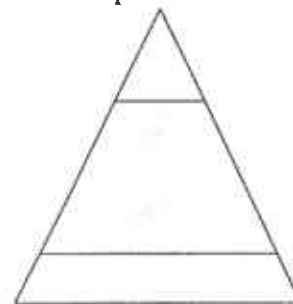
Phân tầng xã hội trong xã hội có giai cấp được thể hiện khá đa dạng ở các quốc gia khác nhau và các thời kỳ khác nhau. Tuy nhiên, về cơ bản, những đặc trưng chung nhất của phân tầng xã hội vẫn không thay đổi. Đó là xã hội phân chia thành hai phe lớn: những người giàu bóc lột và những người nghèo bị bóc lột.

4. Các tháp phân tầng

Trong lịch sử xã hội có rất nhiều các loại tháp phân tầng khác nhau, Song khái quát lại, chúng ta có thể chỉ ra năm loại tháp phân tầng xã hội khá tiêu biểu sau đây:

a. Phân tầng xã hội hình chóp nón

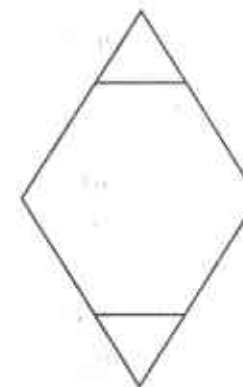
Đây là loại tháp phân tầng phản ánh những xã hội có sự bất bình đẳng ở mức độ cao. Phần lớn các xã hội nông nghiệp lạc hậu trước đây và một số nước phát triển công nghiệp hiện nay thuộc tháp phân tầng loại này. Nhóm những người giàu, có quyền lực chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Còn hầu hết các thành viên trong xã hội thuộc nhóm xã hội nghèo, nằm ở đáy tháp. Hoa Kỳ, tuy là một nước có trình độ kinh tế phát triển cao, song cũng thuộc tháp phân tầng hình chóp nón này. Trong xã hội Hoa Kỳ, tầng lớp thượng lưu chỉ chiếm từ 1 đến 3% dân cư. Trong khi tầng lớp hạ lưu chiếm tới 20% dân số cả nước. Đây là loại tháp phân tầng xã hội phản ánh bất bình đẳng xã hội cao.



b. Tháp phân tầng xã hội hình thoi (quả trám)

Trong tháp phân tầng loại này, nhóm xã hội giàu và nghèo đều chiếm tỷ lệ nhỏ và nằm ở hai đầu của hình quả trám đặt dọc. Nhóm xã hội trung lưu chiếm đa số nằm ở giữa. Nhật Bản thập niên trước đây là nước có kiểu phân tầng xã hội này.

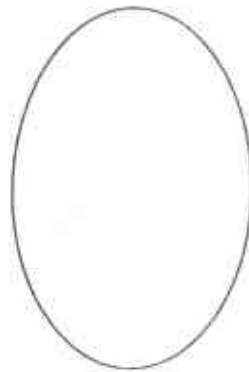
Loại tháp phân tầng xã hội này có



tiến bộ hơn so với tháp phân tầng xã hội hình chóp. Tuy nhiên, mức độ bất bình đẳng xã hội giữa tầng lớp giàu nhất và nghèo nhất vẫn cao thể hiện ở khoảng cách của hai nhóm xã hội này quá xa nhau.

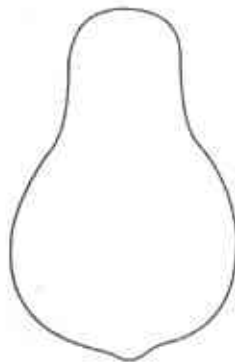
c. Tháp phân tầng xã hội hình quả trứng

Trong những xã hội có tháp phân tầng kiểu này, tầng lớp trung lưu chiếm đa số nằm ở giữa hình quả trứng, bất bình đẳng xã hội vẫn còn tồn tại. Trong xã hội vẫn còn những người giàu và những người nghèo, song không có những người quá nghèo hoặc không còn tình trạng một ít người nắm tuyệt đại bộ phận tài sản của xã hội. Các nước Bắc Âu như Đan Mạch, Thụy Điển, Thụy Sĩ, Na Uy, Phần Lan thuộc nhóm xã hội có tháp phân tầng xã hội hình quả trứng.



d. Tháp phân tầng xã hội hình giọt nước

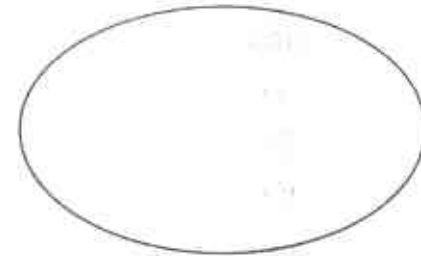
Đây là loại tháp phân tầng của một số nước phát triển trên thế giới như kiểu các nước nước Đông Âu trước đây. Trong tháp phân tầng này khoảng cách giàu - nghèo vẫn còn song không đáng kể. Tuyệt đại thành



viên trong xã hội thuộc nhóm xã hội này có mức sống trung bình và khá.

d. Tháp phân tầng xã hội hình đĩa bay

Đây là loại tháp phân tầng xã hội đặc biệt - tháp phân tầng lý tưởng mà nhiều người mong muốn. Trong loại tháp phân tầng xã hội này, tầng lớp trung lưu, khá giả chiếm tuyệt đại bộ phận trong xã hội. Tuy nhiên, trong xã hội vẫn còn sự khác biệt về mức sống song khoảng cách của sự khác biệt đó là rất nhỏ.



Việt Nam là một quốc gia nghèo. Trong thời kỳ bao cấp trước đây, mức sống giữa các thành viên trong xã hội khá đồng đều. Lúc đó, xã hội nước ta cũng có tháp phân tầng hình đĩa bay, có nghĩa là khoảng cách giữa người giàu và người nghèo rất nhỏ. Tuy nhiên, tuyệt đại bộ phận xã hội lại ở mức sống khá thấp.

Hiện nay, tháp phân tầng xã hội ở nước ta có hình con quay. Có nghĩa là đã xuất hiện một nhóm người giàu và vẫn còn một bộ phận khá lớn người nghèo, khoảng 10% nghèo về lương thực, thực phẩm, xấp xỉ từ 25 - 30% nghèo chung. Mục tiêu phấn đấu của nước ta là xây dựng một xã hội có công bằng nhiều hơn, văn minh hơn và

bình đẳng nhiều hơn. Tuy nhiên, để phấn đấu đến một xã hội có tháp phân tầng xã hội hợp lý là mục tiêu phát triển lâu dài.

5. Phương pháp nhận diện và phân tích hệ thống phân tầng xã hội

Các nhà xã hội học thường sử dụng ba phương pháp cơ bản để nhận diện và phân tích hệ thống phân tầng xã hội:

a. Phương pháp đánh giá

Sử dụng phương pháp này, nhà nghiên cứu yêu cầu các thành viên trong xã hội mô tả sự phân tầng trong cộng đồng xã hội của họ. Để thực hiện phương pháp này, nhà xã hội học có thể đặt ra cho đối tượng khảo sát câu hỏi sau: xin ông bà vui lòng cho biết, trong khu phố ta hay trong xã ta đã có sự phân tầng xã hội chưa? Những ai thuộc nhóm xã hội giàu, những ai thuộc nhóm xã hội nghèo, mức độ giàu - nghèo ra sao? Thông qua những câu hỏi như vậy, mỗi người có thể mô tả sự phân tầng theo cách hiểu của riêng mình và trong khi trả lời người ta có thể đưa ra những nhận định, những lời bình luận, nhận xét vì sao người này giàu và người kia nghèo. Nhà xã hội học tập hợp các ý kiến này và từ đó có được nguồn thông tin để nhận diện sự phân tầng xã hội.

b. Phương pháp đánh giá chủ quan (tự đánh giá)

Tiến hành phương pháp này, nhà xã hội học có thể đặt ra câu hỏi cho đối tượng cần khảo sát rằng: xin ông bà cho biết, ông bà thuộc loại tầng lớp xã hội nào: thượng lưu, trung lưu hay hạ lưu?

Trong các nước phương Tây, do người dân đã quá quen với tên gọi tầng xã hội và những cuộc khảo sát loại này, người ta có thể trả lời một cách tự nhiên, không mấy do dự. Ở xã hội nước ta, người dân chưa quen với những cách gọi và dạng câu hỏi như vậy. Họ thường trả lời: tôi thuộc nhóm xã hội khá giả, tôi thuộc nhóm xã hội trung bình (đủ ăn), tôi thuộc nhóm xã hội nghèo. Có thể do khiêm tốn, người dân Việt Nam hay trả lời mức sống của mình thấp hơn một mức sống của họ trên thực tế. Ví dụ, khi họ thuộc nhóm xã hội khá thì họ trả lời là trung bình, hoặc khi họ ở mức sống trung bình thì họ thường tự nhận mình thuộc nhóm xã hội nghèo.

Song dù ở xã hội nào, để trả lời câu hỏi này, người dân phải có sự đánh giá về hiện trạng phân tầng, nơi mình đang sống, sau đó mới tự xếp loại mình thuộc tầng nào. Do đó, nhà xã hội học cần kết hợp cả hai phương pháp nêu trên để có đủ thông tin mô tả sự phân tầng xã hội.

c. Phương pháp đánh giá khách quan

Đây là phương pháp mà nhà xã hội học dựa vào một số nhóm chỉ báo rút ra từ những cuộc điều tra chọn mẫu nhất

định nào đó để xác định và sắp xếp những cá nhân vào những tầng xã hội khác nhau. Trong những cuộc khảo sát xã hội học về sự phân tầng theo mức sống ở nước ta trong một số năm gần đây, các nhà nghiên cứu thường lựa chọn một số chỉ báo khảo sát sau: thu nhập, nhà ở, tiện nghi sinh hoạt, tư liệu sản xuất, mức độ tiêu dùng vật chất, văn hóa. Phương pháp này giúp chúng nhận biết về sự phân tầng xã hội khách quan hơn so với các phương pháp trên. Tuy nhiên, để có cái nhìn đầy đủ và chính xác nhà nghiên cứu cần sử dụng tổng hợp cả ba phương pháp. Chính thông qua sự phân tích, đối chiếu, so sánh kết quả của cả ba phương pháp mà chúng ta có được một bức tranh hoàn chỉnh về sự phân tầng xã hội và khắc phục được những nhận định nóng vội, võ đoán chủ quan về phân tầng xã hội.

6. Một số cách kiến giải về phân tầng xã hội

Trong lịch sử đã từng có nhiều nhà xã hội học cố công tìm kiếm những câu trả lời và những cách kiến giải khác nhau về bản chất của phân tầng xã hội. Tuy nhiên, ngoài những hạt nhân hợp lý ở mỗi sự phân tích, các lý thuyết cũng còn bộc lộ không ít những hạn chế, khiếm khuyết đòi hỏi chúng ta cần phải tuyển lựa và kế thừa một cách có trách nhiệm, có phê phán.

Trên cơ sở tập hợp và sắp xếp các quan niệm xã hội học, chúng ta có thể chỉ ra ba cách kiến giải chính về phân tầng xã hội sau đây:

a. Kiến giải của thuyết chức năng về phân tầng xã hội

Những người theo thuyết chức năng cho rằng, phân tầng xã hội và bất bình đẳng xã hội là những hiện tượng phổ biến, tất yếu không thể tránh khỏi trong xã hội loài người. Hiện tượng này tồn tại trong quá khứ và sẽ còn tiếp tục tồn tại như một nét nổi bật trong xã hội hiện tại và trong tương lai. Theo họ phân tầng xã hội và bất bình đẳng xã hội thực hiện một chức năng cần thiết và tích cực trong xã hội. Hai đại biểu của thuyết chức năng là Davis và Moore cho rằng, sự bất bình đẳng xã hội là một di sản mà nhờ vào đó xã hội bảo đảm những địa vị quan trọng nhất phải do những người có tài năng nhất đảm nhiệm một cách có ý thức, trên cơ sở đó dẫn đến sự khác nhau về mặt uy tín, địa vị và thu nhập của con người trong xã hội; và vấn đề là xã hội phải thiết chế hóa sự bất bình đẳng.

Theo quan niệm này, phân tầng xã hội và bất bình đẳng xã hội có tính chức năng, nó là một hiện tượng mang tính tích cực và không tránh khỏi trong các chế độ xã hội loài người. Có thể tóm tắt những ý tưởng chính của các kiến giải này như sau:

- Trong xã hội có một số địa vị xét về mặt chức năng là quan trọng hơn những địa vị khác. Đó là những địa vị then chốt trong xã hội và đảm nhiệm những nhiệm vụ đó phải là những người có những tài năng và kỹ năng đặc biệt phù hợp.

- Không phải bất cứ ai trong xã hội cũng đều có tài năng hay kỹ năng đặc biệt để đảm nhiệm những vị thế, vai trò nhất định trong xã hội.

- Để có những kỹ năng đặc biệt đó, người ta phải trải qua những khoá học tập, huấn luyện để có đủ trình độ đứng vào những địa vị cao. Khi đó người ta sẽ nhận được những lợi ích xứng đáng gắn với địa vị mà họ sẽ đảm nhận khi thành đạt.

- Do vậy cần thiết phải thiết chế hóa chế độ phân phối lợi ích bất bình đẳng một cách phù hợp với những thang bậc trong xã hội.

Thuyết chức năng cũng sai sót khi đặt sự phân tầng có tính tiêu chuẩn và văn hóa trong một cái khung bất bình đẳng vật chất cụ thể. Họ đã không tính tới sự lệ thuộc phổ biến của yếu tố quyền lực. Uy tín đó chỉ có thể có được thông qua những lớp đào tạo những người giàu mới có đủ tiền bạc để chi phí và lĩnh hội.

b. Kiến giải của thuyết xung đột về phân tầng xã hội

Những người theo thuyết xung đột xã hội cho rằng, phân tầng xã hội liên quan trực tiếp đến sự bất bình đẳng giai cấp, tức là liên quan tới địa vị của họ trong kinh tế, mà cốt lõi là chế độ sở hữu về tư liệu sản xuất. Theo những người đại diện của thuyết xung đột xã hội, quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất là dấu hiệu cơ bản nhất của phân tầng xã hội và đấu tranh giai cấp nhằm xoá bỏ

những mâu thuẫn, xung đột trong những quan hệ sở hữu, từ đó tạo điều kiện cho lực lượng sản xuất phát triển và đây chính là nguồn gốc, động lực thúc đẩy sự phát triển của lịch sử trong xã hội có giai cấp.

Những người theo thuyết xung đột đã phê phán một cách gay gắt thuyết chức năng về phân tầng xã hội. Theo họ, lập luận của những người theo thuyết chức năng cho rằng, phân tầng xã hội là một hiện tượng tích cực, mang tính chức năng và cần thiết cho sự tồn tại của xã hội, thực chất là sự phản chức năng (Dysfunctional).

Tunin một đại biểu của thuyết xung đột cho rằng, chính tự thân hệ thống phân tầng đã làm hủy hoại tài năng to lớn và hạn chế sự phát triển tiềm năng của những thành viên ở tầng lớp bên dưới

Sự phân phối không đồng đều của cải trong xã hội phân tầng đã khiến cho những kẻ có của, có đặc quyền được hưởng những lợi ích dễ dãi trong giáo dục, để phát triển tài năng trong khi cùng lúc đó lại làm cho những người dưới đáy bị bất lợi. Sự thiết chế hóa chế độ bất bình đẳng đã duy trì trật tự có lợi cho người giàu và chống lại những nghèo. Như vậy, xã hội phân tầng đã không sử dụng hết nguồn tài năng một cách có hiệu quả, đầy đủ. Nó làm hạn chế tự do của tầng lớp bên dưới và làm tích tụ thêm, gay gắt thêm những xung đột và bất bình xã hội.

Hơn nữa, trong xã hội phân tầng, một số người nhận được những lợi ích không phải trực tiếp do tài năng hay

tâm quan trọng trong chức năng, mà lại chủ yếu do dòng dõi. Ở đây sự thừa kế tài sản của dòng dõi để lại những lợi thế về mặt vật chất và xã hội là một trong những nhân tố cốt lõi để duy trì sự bất bình đẳng.

c. Kiến giải của thuyết dung hoà

Lenski, một đại biểu của thuyết dung hoà cho rằng, trong xã hội luôn có những động cơ thôi thúc người ta chiếm giữ các vị trí xã hội, đồng thời cũng diễn ra các quá trình mâu thuẫn, xung đột và tranh giành quyền thống trị.

M. Weber đưa ra nguyên tắc nghiên cứu “ba chiều” về phân tầng xã hội. Ông đã tách một luận điểm về giai cấp thành ba phần riêng biệt, song có quan hệ tác động mật thiết qua lại với nhau. Đó là địa vị kinh tế hay tài sản, địa vị chính trị hay quyền lực, địa vị xã hội hay uy tín. M. Weber không thừa nhận quan niệm cho rằng, chỉ có quan hệ kinh tế là yếu tố duy nhất giải thích cấu trúc xã hội và là động lực đầu tiên của mọi sự thay đổi trong xã hội. Ông cho rằng, những tư tưởng tôn giáo có ảnh hưởng độc lập về mặt lịch sử và lĩnh vực chính trị thường là lực lượng kiểm soát cốt yếu những thay đổi của xã hội. Trong tiểu luận *Giai cấp, địa vị, đảng phái*, M. Weber cho rằng, bất bình đẳng trong xã hội có thể không dựa trên cơ sở của những quan hệ kinh tế mà trên uy tín hoặc quyền lực chính trị được huy động thông qua một đảng. M. Weber lấy ví dụ, đẳng cấp là một hệ thống

phân tầng xã hội phản ánh một xã hội bất bình đẳng không phải trực tiếp dựa trên cơ sở kinh tế mà trên những khác biệt đặc biệt về địa vị của những nền tảng và nghi thức tôn giáo.

M. Weber nhấn mạnh, quyền lực kinh tế có thể là kết quả từ sự sở hữu quyền lực trên các nền tảng khác. Địa vị xã hội hay uy tín có thể xuất phát từ quyền lực kinh tế, nhưng đây không phải là trường hợp tất yếu. Ông dẫn ra trường hợp nhà kinh doanh mới giàu lên, song chưa có được sự giáo dục và văn hóa cần thiết để nắm được những địa vị cao. Tương tự như vậy, địa vị cao trong kinh tế có thể được tạo nên trên cơ sở của quyền lực chính trị.

d. Lý thuyết tổng quát của K. Marx về phân tầng xã hội

Theo Tony Bilton và các đồng sự, “K. Marx đã cung cấp cho xã hội học và chính trị học hiện đại một trong những tiếp cận lý thuyết bao quát và mạnh mẽ nhất... Điều chắc chắn là bất cứ lý thuyết phân tầng nào đều vay mượn của K. Marx cách lý giải về giai cấp ngay dù nhà xã hội học đó kết thúc bằng cách bài bác K. Marx như là sự sai lầm và bị lịch sử vượt qua. Lý do món nợ là ở chỗ, học thuyết của K. Marx về xã hội chủ yếu dựa trên sự nghiên cứu các mối quan hệ kinh tế và các quan hệ kinh tế này lại tạo thành nền tảng của giai cấp. Với Mác, mối quan hệ giai cấp là chìa khoá của

mọi mặt của xã hội... Mỗi lợi kinh tế, quyền lực chính trị và uy tín xã hội, tất thảy đều bắt nguồn từ cấu trúc giai cấp, các giai cấp đó vượt quá các nhóm thu nhập, chúng được tạo ra theo cung cách mà nền sản xuất được tổ chức về mặt xã hội... Theo Mác, mỗi xã hội đều bao hàm sự bóc lột giai cấp trên cơ sở những quan hệ sản xuất, chính cái này mà K. Marx gọi là phương thức sản xuất. Chìa khoá để tìm hiểu một xã hội nhất định là khám phá ra trong đó phương thức sản xuất nào chiếm ưu thế. Tiếp đó chúng ta biết được mô hình cơ bản của những mối quan hệ xã hội và chính trị và có thể đánh giá những sự xung đột và những tiềm năng thay đổi nào đã được gắn bó với xã hội"⁽¹⁾.

K. Marx đánh giá những nét kinh tế chủ yếu của hệ thống phân tầng xã hội trong chủ nghĩa tư bản là quyền sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất và những thị trường cho hàng hóa và lao động. Song sự khác biệt cốt yếu giữa K. Marx và M. Weber là ở chỗ: K. Marx nhấn mạnh yếu tố thứ nhất và hướng sự nghiên cứu vào con đường xoá bỏ sở hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất Còn M. Weber lại hướng trọng tâm vào yếu tố thị trường và cho rằng, nguyên nhân đầu tiên của sự bất bình đẳng trong chủ nghĩa tư bản là khả năng thị trường, tức là

⁽¹⁾ Tony Bilton và các đồng sự: *Nhập môn Xã hội học*. Nxb. Khoa học xã hội, H. 1993, tr. 56-57.

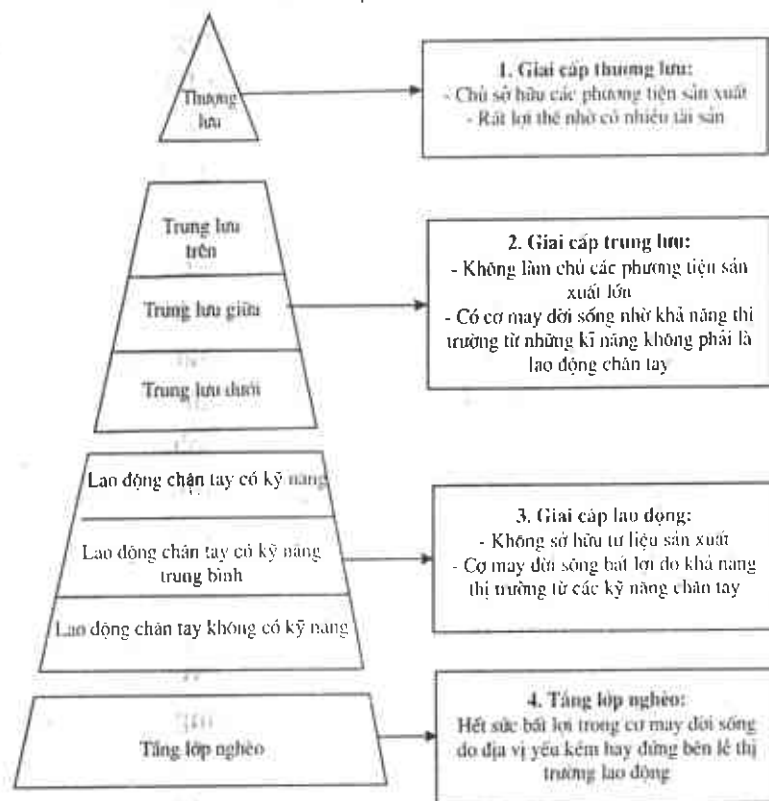
những kỹ năng mà người làm thuê mang ra thị trường lao động để bán và người chủ sẽ là người mua. M. Weber cũng nói đến cơ may đời sống tức là những lợi thế mà người ta có thể có được do thị trường mang lại. Những cơ may này bao gồm thu nhập, phụ cấp, bảo hiểm và có thể thấy được ở các giai cấp khác nhau cũng như ở chính trong nội bộ của mỗi giai cấp.

Những sự phân tích trên của M. Weber trên thực tế không có gì đối lập với quan niệm của K. Marx về giai cấp. Tuy nhiên, sự phân tích này chưa nhấn mạnh một cách thích đáng đến yếu tố sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Rõ ràng, nếu phân tích đến cùng thì yếu tố sở hữu về tư liệu sản xuất chính là nhân tố cốt lõi nhất của vấn đề tài sản, của địa vị trong kinh tế của một giai cấp nhất định.

Song mặt khác cũng phải thấy rằng, sự phân tích của M. Weber có tính mềm dẻo, nhiều chiều, uyển chuyển và trong thực tế đó là quan niệm có thể bổ sung cho lý luận của K. Marx về giai cấp xã hội.

T. Bilton đúng khi ông nói rằng, có thể phối hợp quan niệm của M. Weber trong việc xem xét mô hình phân tầng ba giai cấp trong xã hội tư bản chủ nghĩa hiện nay. Điều này thể hiện quy mô hình tháp phân tầng xã hội với tư cách là kết quả của sự kết hợp quan niệm của K. Marx với M. Weber (xem hình vẽ trang sau)

MÔ HÌNH PHỐI HỢP PHÂN TẦNG XÃ HỘI VÀ GIAI CẤP XÃ HỘI



7. Bản chất của sự phân tầng xã hội

Chúng tôi cho rằng, trên cơ sở tổng hợp, phân tích, chọn lọc và tiếp thu một cách có phê phán toàn bộ những quan niệm và các cách kiến giải khác nhau trong lịch sử xã hội học về phân tầng xã hội, cũng như thừa hưởng

những nghiên cứu về phương diện lý luận và thực tiễn tích lũy được trong những thập kỷ gần đây mới có thể kiến giải có sức thuyết phục câu hỏi: bản chất của phân tầng xã hội là gì?

Để có thể rút ra được vấn đề bản chất của phân tầng xã hội, cần phải lý giải được các vấn đề sau:

- Vì sao có hiện tượng phân tầng, phân tầng xã hội xuất hiện từ bao giờ, nguồn gốc, nguyên nhân xã hội của nó là gì? Phân tầng xã hội là một hiện tượng tự nhiên khách quan, tất yếu, tồn tại lâu dài, không tránh khỏi hay chỉ là sản phẩm của một thời kỳ lịch sử nhất định hoặc của một số những kiểu tổ chức xã hội nhất định?

- Phân tầng xã hội để lại hậu quả gì cho con người và xã hội (tốt hay xấu, tích cực hay tiêu cực). Phân tầng xã hội là động lực là nguồn xung lượng thúc đẩy xã hội phát triển, góp phần ổn định xã hội hay là nguồn gốc của những xung đột xã hội và bất bình đẳng xã hội, cản trở sự phát triển xã hội?

- Chúng ta cần có thái độ như thế nào về phân tầng xã hội. Chúng ta thừa nhận nó, cần thiết phải thiết chế hóa nó hay tìm cách xoá bỏ nó, mở rộng hay thu hẹp khoảng cách cũng như phạm vi tác động của nó?

Có lý giải được một cách thật sự khoa học nhóm câu hỏi trên, chúng ta mới có thể nhận biết được bản chất của vấn đề, từ đó đề ra phương hướng giải quyết đúng đắn đối với phân tầng xã hội.

Nhìn nhận một cách khách quan và công bằng, chúng ta thấy rằng, phân tầng xã hội là một hiện tượng xã hội xuất hiện từ rất sớm. Nó có những mầm mống ban đầu từ giai đoạn hậu kỳ của xã hội công xã nguyên thủy, tồn tại dưới các hình thức khác nhau của thời kỳ chiếm hữu nô lệ, xã hội phong kiến và hiện diện một cách đầy đủ trong xã hội tư bản chủ nghĩa.

Theo chúng tôi, sở dĩ có hiện tượng phân tầng là do hai nguyên nhân cơ bản sau đây:

Thứ nhất, do có sự tồn tại của hiện tượng bất bình đẳng mang tính cơ cấu của tất cả các chế độ xã hội loài người, từ giai đoạn đầu của xã hội công xã nguyên thủy cho đến tận ngày nay.

Thứ hai, do sự phân công lao động xã hội. Trước hết, về nguyên nhân thứ nhất, chúng ta biết rằng con người sinh ra không phải ai cũng ngang nhau, giống nhau, bằng nhau về mặt năng lực (thể chất, trí tuệ) điều kiện, cơ may (Opportunity).

Sự khác nhau, hay sự không bằng nhau ở đây được hiểu như là sự bất bình đẳng (Inequality), mang tính cơ cấu của tất cả các chế độ xã hội loài người.

Sự bất bình đẳng này mang tính tự nhiên, khách quan chứ không phải là sự bất công bằng xã hội. Theo khái niệm bất công bằng xã hội, chúng ta có thể hiểu rằng, một người hay một số người nào đó có năng lực (thể chất,

trí tuệ) lao động có năng suất cao, tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng, có nhiều sáng kiến làm lợi cho xã hội, có tài, có đức song lại bị đối xử bạc đãi hoặc không được xã hội nhìn nhận đánh giá và trọng dụng đúng mức. Trong khi đó, một số người khác tài đức kém hơn đóng góp cho xã hội ít hơn song lại được nhận từ xã hội nhiều lợi ích hơn hoặc được đặt vào địa vị cao hơn trong xã hội.

Đối với khái niệm bất bình đẳng, chúng ta hiểu theo nghĩa là trong mỗi xã hội, luôn có sự tồn tại một cách hiện thực, tự nhiên sự khác biệt giữa các cá nhân và các tập đoàn người về mặt thể chất, trí tuệ, có nghĩa là thừa nhận trong xã hội luôn có những người khỏe mạnh, người yếu ớt, người thông minh và người không thông minh, người có nhiều điều kiện thăng tiến và người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

Những sự khác biệt tự nhiên này là khách quan và không ai có thể tự chọn lựa cho bản thân. Cũng chính sự khác biệt tự nhiên này cùng với thời gian sẽ tạo ra cho con người những khả năng khác nhau để chiếm giữ những vị trí cao thấp khác nhau trong xã hội.

Về nguyên nhân thứ hai, cùng với những yếu tố nói trên, sự xuất hiện và tồn tại của phân tầng xã hội còn do sự phân công lao động xã hội. Biểu hiện thứ nhất của sự phân công lao động xã hội ở đây là sự phân công lao động nghề nghiệp. Trong mỗi xã hội luôn có sự khác nhau về mặt

nghề nghiệp. Có một số nghề nghiệp mang lại thu nhập cao hơn so với các nghề nghiệp khác. Ví dụ, ở Việt Nam hiện nay, nghề dầu khí, tin học, bưu chính viễn thông, hàng không đang đem lại thu nhập cao cho người lao động, do đó hấp dẫn nhiều thanh niên tìm việc làm trong các khu vực này. Trong khi đó, một số nghề nghiệp khác làm việc nặng nhọc, điều kiện độc hại song thu nhập lại thấp. Chính sự khác nhau về mức thu nhập cũng như các điều kiện làm việc giữa các loại nghề nghiệp cũng là một trong những yếu tố tạo ra sự khác nhau về địa vị của những người làm các công việc đó. Biểu hiện thứ hai của sự khác nhau trong phân công lao động xã hội là sự phân công về mặt vị thế có ưu thế và không có ưu thế trong xã hội.

Chúng ta biết rằng, trong mỗi xã hội luôn chỉ có một số rất ít những vị thế thuộc tầng lớp cao, có nhiều ưu thế về mặt quyền lực, lợi ích kinh tế và uy tín xã hội. Còn lại đa số các vị thế khác thuộc các tầng lớp thấp hơn hoặc là ở tầng đáy của xã hội. Giả sử tất cả các thành viên trong xã hội đều mong muốn đứng vào những vị trí cao, nhưng cuối cùng chỉ một số ít là giành được vị thế cao trong xã hội. Chính sự thật hiển nhiên này đã khách quan tạo ra sự phân tầng xã hội.

Tất nhiên, ngoài những yếu tố khách quan nói trên, trong một chừng mực nhất định nào đấy còn có những yếu tố khác cũng tác động vào quá trình hình thành phân tầng xã hội. Trong các xã hội cực quyền, sự lạm dụng và thao

túng quyền lực của các lãnh chúa hay giáo hội cũng góp phần tạo ra sự phân tầng xã hội làm gay gắt thêm, hoặc làm biến dạng những trật tự "tự nhiên" trong phân tầng xã hội.

Ví dụ, một hoàng tử yếu đuối, bất tài song vẫn có quyền thế tử làm quân vương cho cả một nước lớn khi vua cha mất. Một người tài hèn, sức mọn song do sinh ra từ đẳng cấp quý tộc (tầng lớp) nên người đó vẫn được quyền thừa hưởng những vị trí quan trọng cùng những bổng lộc, tài sản không phải do chính mình tạo ra.

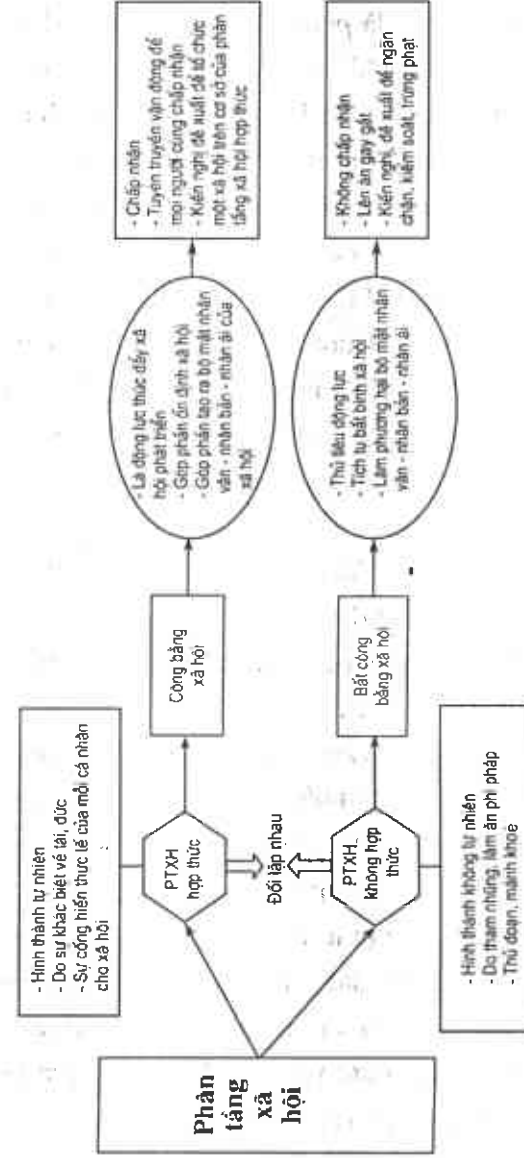
Từ những phân tích trên chúng ta có thể rút ra kết luận rằng, phân tầng xã hội là một hiện tượng tự nhiên, khách quan, phổ biến. Nó là một hiện tượng không tránh khỏi ở mọi xã hội. Tất nhiên là mức độ của sự phân tầng xã hội sẽ khác nhau trong những xã hội khác nhau và những thời kỳ lịch sử khác nhau. Ngay cả trong xã hội công xã nguyên thủy, đã có những mầm mống của sự phân tầng xã hội. Trong đó việc quyết định một thị tộc, một bộ lạc nào đó có giao tranh với một thị tộc, một bộ lạc khác hay không, có rời bỏ nơi cư trú này để đi đến nơi cư trú khác hay không, không phải chỉ phụ thuộc vào sự bàn bạc của các thành viên cộng đồng mà còn được quyết định bởi người đứng đầu - người tù trưởng, tộc trưởng, những thủ lĩnh quân sự của các thị tộc, bộ lạc đó. Việc xử lý các vụ thua kiện giữa các thành viên trong cộng đồng xã hội nguyên thủy không phải do toàn bộ các thành viên trong cộng đồng quyết định mà do người đứng đầu thị tộc hay bộ lạc đó. Có thể thấy

được những dấu ấn hay tàn tích của những đặc trưng đó trong việc tìm hiểu vai trò của những già làng ở một số vùng rừng núi, cao nguyên ở nước ta và một số nước khác trên thế giới. Qua sự phân tích đó, chúng ta cũng có thể khẳng định rằng, trong thời bao cấp ở nước ta cũng có phân tầng xã hội, tuy nhiên sự phân tầng đó còn ở mức độ thấp và chưa phổ biến. Song từ khi xã hội nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường mở cửa đa dạng hóa các thành phần kinh tế, phân tầng xã hội đã ngày càng thể hiện rõ nét và mang tính phổ biến - tự nhiên, tất yếu. Thực tế này là một trong những minh chứng có sức thuyết phục về sự phân tích và nhu cầu cần tiếp tục nghiên cứu về phân tầng xã hội ở nước ta hiện nay.

Về câu hỏi đối với hậu quả của sự phân tầng xã hội, những người theo thuyết chức năng, thuyết xung đột cũng như thuyết dung hòa đã đưa ra những câu trả lời một cách trực tiếp như đã nhắc tới ở trên.

Tuy vậy, theo suy nghĩ của chúng tôi, về mặt nguyên tắc, chúng ta khó có thể trả lời một cách trực tiếp câu hỏi này mà cần có sự khái quát hóa, trừu tượng hóa nhất định. Muốn đưa ra được câu trả lời thoả đáng cần phải tiến hành phương pháp phân tích logic, phương pháp phân tích lý luận - tức là sự thao tác hóa khái niệm, chuyển khái niệm phân tầng xã hội theo nghĩa chung ở phần trên thành hai khái niệm bộ phận: đó là khái niệm phân tầng xã hội hợp thức và phân tầng xã hội không hợp thức.

SƠ ĐỒ PHÂN TẦNG XÃ HỘI HỢP THỨC VÀ KHÔNG HỢP THỨC



Vậy thế nào là *phân tầng xã hội hợp thức*. Trước hết, “hợp thức” không chỉ đơn thuần là sự phù hợp với pháp luật, chuẩn mực đạo đức xã hội mà còn là sự phù hợp với khả năng và mục tiêu phát triển đi lên của con người và xã hội. Phân tầng xã hội hợp thức có nghĩa là phân tầng xã hội dựa trên sự khác biệt một cách tự nhiên về năng lực (thể chất và trí tuệ) và các điều kiện, cơ may cũng như sự phân công lao động trong xã hội. Đương nhiên, điều mà chúng ta cần nhấn mạnh chủ yếu ở đây chính là tài năng, đức độ, là mức độ cống hiến thực tế của mỗi người cho xã hội. Người nào có tài năng càng cao, đức càng rộng và sự cống hiến cho xã hội càng nhiều thì người đó xứng đáng đứng vào vị trí cao trong xã hội, xứng đáng được giao phó cho những quyền lực lớn, quan trọng để lãnh đạo, quản lý xã hội. Và đương nhiên, họ cũng xứng đáng được xã hội coi trọng, suy tôn và được hưởng những lợi ích vật chất cao. Người nào tài đức trung bình và cống hiến cho xã hội vừa phải thì cũng xứng đáng có vị trí vừa phải và những đánh giá tương ứng với mức độ trung bình của những đóng góp của họ. Như thế là công bằng xã hội. Những người tài trí thấp, “tài hèn, sức mọn”, đóng góp cho xã hội ít thì đương nhiên sẽ đứng ở vị trí thấp, và họ được đánh giá, nhìn nhận một cách tương ứng với những gì mà họ có và làm cho xã hội. Thực chất sự phân tầng xã hội hợp thức vận hành theo nguyên tắc “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”.

Rõ ràng, với một nội hàm khái niệm như vậy chúng ta có thể hiểu phân tầng xã hội hợp thức như một trật tự xã hội lý tưởng của sự công bằng xã hội.

Đương nhiên trong trường hợp này, phân tầng xã hội hợp thức là tích cực, là cần thiết là cái chúng ta ước muốn. Một xã hội như vậy sẽ tạo ra được động lực, là nguồn xung lực thúc đẩy xã hội tiến lên phía trước, sẽ góp phần tạo ra trật tự xã hội cũng như bộ mặt nhân văn, nhân bản, nhân ái cho xã hội; đồng thời khắc phục được những tư tưởng bảo thủ, ích kỷ, hẹp hòi, kèn cựa, đố kỵ ganh ghét những người hơn mình. Mặt khác, nó sẽ tạo ra được chuẩn mực cho sự đánh giá xã hội cũng như sự tự đánh giá bản thân. Các cá nhân vừa biết đặt ra cho mình những mục tiêu phấn đấu phù hợp vừa biết tự bằng lòng với những gì mình có, mình làm, không lười biếng, không ỷ lại song cũng không quá tham vọng so với năng lực và những điều kiện hiện có của họ. Một xã hội mà mỗi người đều tự biết rõ mình, biết rõ người, biết tự đặt mình vào vị trí của người khác, biết nhìn nhận đánh giá bản thân từ vị trí mà xã hội giao phó. Đồng thời hành động theo đúng vị thế, vai trò của mình theo cái danh, cái phận của bản thân thì chắc chắn rằng, xã hội đó sẽ là một xã hội trật tự, ổn định, công bằng và phát triển.

Với một xã hội có sự phân tầng xã hội hợp thức như vậy đương nhiên là chúng ta sẽ thừa nhận, ủng hộ và tìm cách bảo vệ. Hơn thế nữa chúng ta cũng cần thiết phải

tuyên truyền rộng rãi để đông đảo mọi người cùng thừa nhận, ủng hộ và cùng góp sức duy trì, củng cố, phát triển và bảo vệ một trật tự xã hội hợp thức. Đương nhiên với một xã hội như vậy, thì nó cần được thiết chế hóa trong cuộc sống. Nhà nước cần phải tạo ra những hành lang pháp lý cần thiết rộng rãi an toàn và cởi mở cho sự phân tầng hợp thức ở đó mọi người đều được phát huy năng lực và cống hiến theo khả năng và được hưởng các lợi ích mà họ xứng đáng được hưởng theo đúng pháp luật của nhà nước.

Phân tầng xã hội không hợp thức có nghĩa là phân tầng không dựa trên sự khác biệt tự nhiên giữa các cá nhân, cũng không chủ yếu được tạo ra do sự khác nhau về tài đức và sự cống hiến một cách thực tế của mỗi người cho xã hội. Phân tầng xã hội không hợp thức là sự phân tầng dựa vào những hành vi trái pháp luật, tham nhũng, lừa gạt, trộm cắp, buôn bán phi pháp để trở nên giàu có, luồn lọt, xu nịnh, để có vị trí cao trong xã hội hoặc lười biếng, ỷ lại để rơi vào sự nghèo khổ, hèn kém.

Trong xã hội phân tầng không hợp thức thì kẻ bất tài vô dụng vẫn có thể chiếm vị trí cao, họ vẫn có thể chiếm đoạt nhiều của cải làm giàu bất chính và những người tài đức lại không được như vậy. Đó là sự bất công xã hội.

Trong xã hội phân tầng không hợp thức, kẻ lười biếng, vô đạo đức, bất tài vẫn có thể “ăn trên, ngồi trốc”,

hưởng thụ nhiều hơn những gì đáng được hưởng và hơn những người khác và có quyền lực chi phối người khác. Những người có tài đức có thể bị vùi dập, bị thiệt thòi và chịu nhiều cảnh ám ức, bất công, bị đối xử phân biệt thậm chí bị ngược đãi bởi người bất tài luôn sợ người có tài nên hay tìm những thủ đoạn hèn hạ để đối phó. Như vậy, chúng ta có thể hiểu sự phân tầng xã hội không hợp thức là biểu hiện của sự bất công xã hội và đương nhiên là bất bình đẳng xã hội và vì vậy là tiêu cực, là sự kìm hãm sự phát triển của xã hội. Phân tầng xã hội không hợp thức là xiềng xích trói buộc những tiềm năng sáng tạo của các cá nhân, làm thui chột những năng lực thể chất và tinh thần của những người lao động chân chính, là nguyên nhân của những bất bình, xung đột xã hội dẫn đến sự mâu thuẫn, khủng hoảng xã hội. Trong trường hợp đặc biệt nó sẽ tạo ra những đối kháng xã hội mà đỉnh cao là sự phá vỡ trật tự xã hội và sự rối loạn xã hội. Với xã hội phân tầng không hợp thức như vậy đương nhiên là không ai mong muốn trừ những người nào đang được hưởng lợi từ sự phân tầng không hợp thức đó. Cần thiết phải có sự phê phán một cách gay gắt trước công luận và hơn thế nữa chúng ta đòi hỏi tầng lớp xã hội “ăn trên, ngồi trốc” một cách bất hợp thức phải bị trừng phạt trước pháp luật. Kiên trì giáo dục những kẻ lười biếng, ỷ lại thậm chí cưỡng bức họ phải lao động, phải cải tạo một cách nghiêm khắc.

Dương nhiên, đối với những người nghèo khổ, bị rủi ro, tai nạn thiếu vốn, thiếu kinh nghiệm lao động chúng ta cần thiết phải cứu mang, phải đùm bọc, giúp đỡ, cần tạo ra cho họ những điều kiện cần thiết mà xã hội có thể để họ tự vươn lên. Đối với những trường hợp đặc biệt, ví dụ, những gia đình thương binh liệt sỹ, có công với cách mạng, rơi vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn thì Đảng và Nhà nước, cộng đồng cần đến ơn đáp nghĩa theo đúng truyền thống đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta.

8. Phân tầng xã hội ở Việt Nam

Tiếp cận xã hội học về phân tầng xã hội giúp chúng ta có cách nhìn thực tế hơn, nhiều góc cạnh hơn, và khá thiết thực về mặt xã hội. Lâu nay chúng ta chỉ quan niệm chung chung và có phân giản đơn khi chỉ dừng lại xem xét những mặt giống nhau giữa các thành viên trong một nhóm xã hội; chỉ thấy mặt giống nhau của tất cả những người công nhân vì họ đều là chủ các nhà máy, công xưởng; tất cả những người nông dân đều là chủ của đồng ruộng; tất cả tầng lớp trí thức đều là chủ của hoạt động trí tuệ mà không thấy sự khác biệt trong nội bộ của mỗi giai cấp, tầng lớp ấy. Trên thực tế, trong mỗi giai cấp, tầng lớp đều có những người giàu, người nghèo, người có quyền thế cao, người có quyền thế thấp, người có uy tín nhiều, người có uy tín ít.

Trong giai cấp nông dân có những người trở thành chủ trại nổi tiếng cả một vùng, có tiền thuê mướn những người nông dân khác làm thuê cho mình, họ có quyền chi phối, điều hành người lao động trong trang trại của họ. Trong giai cấp công nhân, cũng có những người giàu, thu nhập cao, có xe riêng, song cũng có những người nghèo, thu nhập thấp, đời sống khó khăn. Trong tầng lớp trí thức cũng có những người có tài năng, uy tín cao, có tiền để mua cả một phòng thí nghiệm hoặc có tiền gửi nhà băng Thụy Sĩ, danh tiếng của họ xa gần đều biết. Song bên cạnh họ cũng có những người cuộc sống còn quá nghèo khổ.

Tiếp cận xã hội học về phân tầng xã hội cũng cho phép chúng ta dễ dàng nhận ra sự giống nhau, bằng nhau, ngang nhau giữa các thành viên không chỉ theo dấu hiệu sở hữu về tư liệu sản xuất trong nội bộ các giai cấp, không chỉ giống nhau về nghề nghiệp hay loại hình hoạt động trong các tầng lớp, đoàn thể xã hội mà còn là những sự giống nhau về tài sản, uy tín, quyền lực, cơ may.

Chính trên cơ sở này, chúng ta có thể dễ dàng sắp xếp hay nhóm họp những người khác nhau, ở những giai cấp, những tầng lớp, đoàn thể khác nhau vào trong một tầng lớp xã hội; cũng như phân chia các nhóm xã hội ra thành các tầng xã hội khác nhau. Sự phân tích như vậy sẽ tạo ra những cơ sở khoa học xác đáng cho việc đưa ra những chính sách tác động phù hợp với từng nhóm, từng tầng xã hội.